TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 27-11-2019.
V/v: Ly hôn, trB chấp về nuôi con.

NHÂN DB
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Võ Thành Hiệp.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B;

Bà Trần Thị Mộng Thu.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa*: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019, về việc: Ly hôn, trB chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23-10-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08-11-2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Ấp M, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Tạm trú: 42/3, khu phố L2, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Tạm trú: 42/3, khu phố L2, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ nơi làm việc: Công ty TNHH TNViệt Nam, đường T 02, khu phố O, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Sau một thời gian quen biết và tìm hiểu nhau ông Đ và bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 2002 đến tháng 9 năm 2018 tại ấp M, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang nhưng không đăng ký kết hôn.

Năm 2018 do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nên bà T chuyển đến thị xã D, tỉnh Bình Dương làm ăn, sinh sống sau đó ông Đ cũng chuyển đến thị xã TU, tỉnh Bình Dương làm công nhân tại Công ty TNHH TNViệt Nam. Từ khi đến Bình Dương sinh sống, làm ăn vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa.

Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Hai bên đã nhiều lần nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Bà T xác định ông bà không còn tình cảm với nhau, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Bùi Văn Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông Đ có 02 con tên Bùi B A, sinh ngày 25-4-2003 và Bùi Trăm B, sinh ngày 26-8-2013. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông Bùi Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau:

- Bản chính đơn xin xác nhận sống chung với nhau như vợ chồng ngày 18-6-2019;

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân và sổ tạm trú của bà Nguyễn Thị Cẩm T;

- Bản sao sổ hộ khẩu gia đình của ông Bùi Văn Đ.

- Bản sao Giấy khai sinh của cháu Bùi B A và Bùi Trăm B.

Bị đơn ông Bùi Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông Đ vắng mặt. Tại bản tự khai của ông Bùi Văn Đ trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc cho đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ không có việc làm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà T chuyển lên thị xã D thuê nhà trọ làm ăn, sinh sống, khi bà T đi không nói cho ông Đ biết địa chỉ và nơi làm việc. Cùng năm ông Đ chuyển lên thị xã TU, tỉnh Bình Dương thuê nhà trọ sinh sống và làm việc cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông Đ có 02 con tên Bùi B A, sinh ngày 25-4-2003 và Bùi Trăm B, sinh ngày 26-8-2013.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh ngày 30-8-2019 tại Công ty TNHH TNViệt Nam như sau: B Bùi Văn Đ, sinh năm 1977 hiện nay có làm việc tại bộ phận đóng gói của Công ty TNHH TNViệt Nam.

Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang xác nhận: Ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2002 đến tháng 9 năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn; ông Đ và bà T có hai con chung tên là Bùi B A, sinh năm 2003 và Bùi Trăm B năm 2013.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Đ 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Bùi Văn Đ là những người đủ Đ kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Đ 14 và khoản 2 Đ 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Đ. Bà T yêu cầu được quyền nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật; tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trB tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn Đ nên đây là vụ án "Ly hôn, trB chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Đ 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Bùi Văn Đ làm việc tại Công ty TNHH TNViệt Nam có địa chỉ tại phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU theo quy định tại Đ 35 và Đ 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Bùi Văn Đ đã được Tòa án thông báo hợp lệ về việc bị khởi kiện cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông Đ và bà T theo quy định tại Đ 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Bùi Văn Đ sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông Đ và bà T không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Theo quy định tại khoản 2 Đ 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Đ 14 của Luật này". Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ là không có cơ sở chấp nhận mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Đ.

[4]. Về con chung: Bà T và ông Đ có 02 con tên Bùi B A, sinh ngày 25-4-2003 và Bùi Trăm B, sinh ngày 26-8-2013. Theo nguyện vọng của cháu Bùi B A và cháu Bùi Trăm B muốn được sống chung với mẹ. Bà Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con là phù hợp quy định tại khoản 2 Đ 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn "*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"* và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[8]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Đ 28, 35, 39, 146, 147, 228, 235, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Đ 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T với ông Bùi Văn Đ;

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Bùi Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung tên Bùi B A, sinh ngày 25-4-2003 và Bùi Trăm B, sinh ngày 26-8-2013 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Bùi Văn Đ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông Đ được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Đ lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Đ. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0028939, ngày 18-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Bùi Văn Đ vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THA dân sự thị xã TU;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Võ Thành Hiệp